

VÀI NÉT VỀ QUAN HỆ VIỆT NAM - ẤN ĐỘ

NGUYỄN CẢNH HUỆ*

Việt Nam và Ấn Độ vốn có lịch sử quan hệ lâu đời và hiện nay cùng phải đối diện với những thách thức của một thế giới đầy biến động và phức tạp. Mặc dù hai nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, nhưng quan hệ giữa hai nước, hai dân tộc vẫn ngày càng phát triển tốt đẹp. Với nhận thức bước đầu, chúng tôi mong muốn nêu lên một số điểm cơ bản về quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trên một mức độ khái quát.

I. QUAN HỆ VIỆT NAM - ẤN ĐỘ CÓ TRUYỀN THỐNG HỮU NGHỊ LÂU ĐỜI.

1. Lâu nay đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập tới quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và Ấn Độ. Vì vậy ở đây, chúng tôi sẽ không trình bày về lịch sử quan hệ truyền thống giữa hai nước mà chỉ nhấn mạnh ở một số điểm sau đây:

Một là, quan hệ Việt Nam và Ấn Độ có từ lâu đời nhưng, xuyên suốt là mối quan hệ hoà bình, hữu nghị mà không hề có sự xung đột và trở thành mối quan hệ hữu nghị điển hình. Có thể nói, ở trên thế giới, có nhiều mối quan hệ song phương có lịch sử lâu đời nhưng, mối quan hệ vừa lâu đời, vừa hữu nghị và không hề có sự xung đột như quan hệ Việt Nam và Ấn Độ thì quả là hiếm có.

Hai là, dù cho những biến động phức tạp của tình khu vực, quốc tế cũng như trong nước, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ vẫn phát triển theo chiều hướng ngày càng tốt đẹp.

Trong mấy thập niên trở lại đây, tình hình khu vực và trên thế giới có những biến chuyển phức tạp với những yếu tố khó lường trước, ảnh hưởng lớn đến mỗi quốc gia, dân tộc - trong đó có Việt Nam, Ấn Độ. Cả hai nước đều có những điều chỉnh chính sách đối nội cũng như đối ngoại cho phù hợp với tình hình mới như: "Vấn đề Campuchia" trong suốt thập kỷ 80, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, "Chiến tranh lạnh" kết thúc... Đối với Việt Nam, từ giữa những năm 70 đến cuối những năm 80, Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế sau khi trải qua 30 năm của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Ấn Độ cũng gặp không ít khó khăn về tình hình kinh tế- xã hội, việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ đất nước, nhiều lần thay đổi nội các... Trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội như vậy, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ vẫn ngày càng được củng cố và phát triển.

Ba là, hai nước thường xuyên có các chuyến thăm lẫn nhau của các nhà lãnh đạo cấp cao, nhất là từ năm 1975 trở lại

* TS. Viện Sử học.

đây. Về phía Việt Nam thăm Ấn Độ có chuyến thăm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng năm 1978 và 1980, của Tổng Bí thư Lê Duẩn năm 1984, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh năm 1989, Tổng Bí thư Đỗ Mười vào năm 1992, Thủ tướng Võ Văn Kiệt tháng 3-1997, Chủ tịch nước Trần Đức Lương tháng 12-1999. Về phía Ấn Độ, Thủ tướng Ragíp Gandhi đã thăm Việt Nam vào năm 1985 và 1988, Tổng thống R.Venkataraman thăm Việt Nam năm 1991, và gần đây nhất là chuyến thăm của Thủ tướng A.B. Vagiopai tháng 1-2001. Những chuyến thăm thường xuyên lẫn nhau đó, một mặt thể hiện tình hữu nghị giữa hai dân tộc, vị trí quan trọng của quan hệ hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ trong chính sách đối ngoại của mỗi nước; mặt khác, là cơ sở để quan hệ hai nước ngày càng phát triển.

Bốn là, hai nước thực sự cảm thông, tin cậy, sẵn sàng ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau. Vốn cùng là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, Chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam - Ấn Độ dễ dàng cảm thông và đoàn kết với nhau trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước về sau.

Trong thời gian tiến hành cuộc đấu tranh vì tự do, độc lập của nhân dân Việt Nam (1945-1975), Chính phủ, các đảng phái tiến bộ, các tổ chức chính trị xã hội cùng đồng đạo các tầng lớp nhân dân Ấn Độ đã ủng hộ mạnh mẽ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Sau khi chiến tranh kết thúc, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội nhưng, Ấn Độ vẫn sẵn sàng giúp đỡ nhân dân Việt Nam. Đến thăm Việt Nam trong những năm tháng khó khăn, tháng 4-1988, Thủ tướng R. Gandhi khẳng định: "Ấn Độ sẵn sàng giúp đỡ Việt Nam theo yêu cầu". Từ sau năm 1975, Ấn Độ đã viện trợ cho

Việt Nam hàng chục vạn tấn gạo, hàng ngàn con trâu sữa giống, dê sữa giống, nhiều thuốc chữa bệnh... Ấn Độ cũng đã cho Việt Nam vay một khoản tài chính khá lớn với lãi suất thấp. Từ 1978-1987, ngân hàng Nhà nước và tư nhân Ấn Độ cho Việt Nam vay 1150 triệu Rupí (trong đó 700 triệu là của Chính phủ và 450 triệu là của ngân hàng tư nhân). Tháng 12-1992, Ấn Độ cho Việt Nam vay 13 triệu USD và Việt Nam sẽ trả thông qua hình thức cung cấp gạo cho Ấn Độ (1). Trong những năm gần đây, Ấn Độ cũng luôn luôn giành cho nhân dân ta sự giúp đỡ. Trong chuyến thăm Việt Nam tháng 1-2001, Thủ tướng A.B.Vagiopai đã quyết định viện trợ cho Việt Nam 2,2 triệu USD để phát triển ngành tin học. Trước đó, công ty tin học Việt Nam FPT và công ty tin học Ấn Độ APTEC đã có chương trình hợp tác, đào tạo lập trình viên ở Việt Nam. Ấn Độ đã đồng ý viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam 2,5 triệu USD để phát triển nguồn nhân lực phần mềm... (2).

Sự giúp đỡ của Ấn Độ đối với Việt Nam tuy chưa phải là nhiều nhưng trong hoàn cảnh hai nước còn nhiều khó khăn thì sự giúp đỡ đó mới thật là đáng quý.

2. Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ có từ lâu đời và ngày càng phát triển tốt đẹp. Cơ sở chính của mối quan hệ đó là:

Thứ nhất, Việt Nam - Ấn Độ có nhiều điểm tương đồng, gần gũi. Đó là sự tương đồng về lịch sử, văn hoá và chính sách đối ngoại.

Về lịch sử, hai nước đều là nạn nhân của chủ nghĩa thực dân phương Tây, cùng tiến hành cuộc đấu tranh gian khổ để giành độc lập, tự do (tuy nhiên cuộc đấu tranh ở mỗi nước có những sắc thái khác nhau), cùng bắt tay vào xây dựng đất nước từ những năm 40 trở đi với những thuận lợi và khó khăn tương tự, cùng đang tiến hành công cuộc cải cách, đổi mới hiện nay.

Về văn hoá, Việt Nam và Ấn Độ đều dựa trên nền tảng của văn hoá phương Đông - nền văn hoá lấy nông nghiệp làm cơ sở. Vì vậy, hai nước có nhiều nét tương đồng, gần gũi về phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng... Điều tương đồng, gần gũi nổi bật nhất giữa Việt Nam và Ấn Độ là Phật giáo. Phật giáo du nhập vào Việt Nam bằng con đường hòa bình với nhiều nét tương đồng tâm lý, tình cảm, tín ngưỡng của người Việt cổ truyền; Phật giáo đã hoà vào văn hoá, tín ngưỡng người Việt, tạo thành một bộ phận không thể tách rời của văn hoá Việt Nam và ảnh hưởng trên nhiều mặt của đời sống văn hoá, tinh thần Việt Nam.

Về chính sách đối ngoại, tuy hai nước có chế độ chính trị, xã hội khác nhau, nhưng Việt Nam và Ấn Độ đều chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc; chống chiến tranh phi nghĩa; ủng hộ các dân tộc đấu tranh vì tự do, độc lập, vì hoà bình và tiến bộ; chủ trương giải quyết các cuộc xung đột, chiến tranh bằng phương pháp thương lượng, hoà bình; cùng chủ trương đa phương hoá, đa dạng hoá các mối quan hệ, trong đó coi trọng quan hệ với các quốc gia láng giềng.

Những điểm tương đồng trên đây là điều kiện rất thuận lợi để thúc đẩy quan hệ hai nước phát triển. Sự tương đồng về nhiều mặt làm cho hai nước dễ dàng thông cảm, ủng hộ lẫn nhau; có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của nhau...

Thứ hai, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Mahátma Gandhi, Thủ tướng Jaoaháclan Nêru, các nhà lãnh đạo và nhân dân hai nước đã góp phần to lớn vào việc phát triển quan hệ giữa Việt Nam - Ấn Độ.

Vào tháng 2-1927, Nguyễn Ái Quốc và Jaoaháclan Nêru (sau này là Thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hoà Ấn Độ) đã gặp nhau tại Brúcxen (Bỉ) trong Hội nghị các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực

dân, đế quốc (3). Cùng chung chí hướng là chống chủ nghĩa thực dân, vươn tới mục tiêu cao cả là tự do, độc lập, tiến bộ cho dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân; cuộc gặp gỡ này có thể nói đã mở đầu cho tình bạn thân thiết về sau của hai nhà lãnh tụ cũng như mở đầu cho một thời kỳ phát triển mới của quan hệ giữa hai nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từ sớm đã rất quan tâm đến đất nước, con người Ấn Độ cũng như việc vun đắp tình hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ. Điều đó được thể hiện ở việc người viết nhiều bài về cuộc sống cơ cực của người dân Ấn Độ dưới chế độ thực dân Anh với sự cảm thông sâu sắc. Vào những dịp trọng đại ở Ấn Độ, Người cũng đã gửi nhiều bức điện đến các nhà lãnh đạo Ấn Độ (những bài viết, bức điện này ngày nay được tập hợp trong *Hồ Chí Minh toàn tập*)... Đặc biệt, chuyến thăm Ấn Độ vào tháng 2-1958 của Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh dấu một bước phát triển mới trong lịch sử quan hệ hai nước. Người đã được Chính phủ và nhân dân Ấn Độ đón tiếp rất trọng thể, thân tình. Chuyến thăm này đã để lại dấu ấn rất sâu đậm trong lòng nhân dân Ấn Độ về Chủ tịch Hồ Chí Minh nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung.

Mahátma Gandhi, người được coi là linh hồn của cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ, hy sinh trọn đời mình cho nền độc lập của đất nước này đã ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam ngay từ ngày đầu. "Đầu năm 1947, Ấn Độ đang đấu tranh giành độc lập vô cùng khó khăn nhưng Thánh Gandhi đã không quên kêu gọi nhân dân Ấn Độ hoàn toàn đồng tình với nhân dân Việt Nam đang chiến đấu cho chính nghĩa" (4). Ngày 31-1-1948, M. Gandhi qua đời. Trong điện chia buồn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bày tỏ lòng thương tiếc nhà ái quốc vĩ đại của nhân

dân Ấn Độ, ca ngợi cuộc đời đấu tranh và sự hy sinh cao cả của M. Gandhi. Trong điều kiện kháng chiến khó khăn nhưng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vẫn chỉ thị cho các địa phương tổ chức lễ truy điệu M. Gandhi vào ngày 20-2-1948.

J. Nêru, Thủ tướng đầu tiên và được coi là nhà "kiến trúc sư" của nước Cộng hoà Ấn Độ không chỉ có tình cảm thân thiết, sự kính trọng sâu sắc đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh mà còn rất khâm phục cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam vì độc lập tự do và giành cho cuộc đấu tranh chính nghĩa này sự ủng hộ nhiệt tình.

Cũng như M. Gandhi, J. Nêru ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân của nhân dân ta từ ngày đầu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Vào tháng 12-1946, trước âm mưu xâm lược Đông Dương một lần nữa của thực dân Pháp, Hồ Chủ tịch gửi thư kêu gọi sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Chính phủ, nhân dân các nước. Chính phủ và nhân dân Ấn Độ đều bày tỏ sự đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh vì độc lập của nhân dân Việt Nam. Tháng 12-1953, Thủ tướng J. Nêru tuyên bố: "Chính phủ không cho phép sự có mặt của quân đội nước ngoài nào trong bất cứ hoàn cảnh nào, dưới bất cứ cơ nào, chấm dứt việc sử dụng sân bay của Ấn Độ để vận chuyển vũ khí và binh lính Pháp sang Đông Dương, cấm máy bay Mỹ chở binh lính Pháp sang Đông Dương qua không phận Ấn Độ". Với trọng trách là Chủ tịch Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế trong việc thi hành Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, Thủ tướng J. Nêru khẳng định: "Phương châm, chính sách của chúng ta là nỗ lực cho hoà bình ở Đông Dương. Chúng ta sẽ dùng tất cả trí não, lòng kiên nhẫn và tinh thần cương quyết để thực hiện nhiệm vụ đó" (5). Tháng 10-1954, ngay sau khi Việt Nam

giành được thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Thủ tướng J. Nêru đã đến thăm Việt Nam. Đây là chuyến thăm Việt Nam đầu tiên của một nguyên thủ nước ngoài sau khi hoà bình được lập lại trên đất nước ta. Sự kiện này không chỉ thể hiện tình hữu nghị giữa hai nước, sự coi trọng mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ của Chính phủ và nhân dân Ấn Độ mà còn là nguồn cổ vũ, động viên to lớn đối với nhân dân Việt Nam.

Trên đây chỉ là một số trong nhiều biểu hiện về việc xây đắp quan hệ hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, M. Gandhi, J. Nêru. Có thể nói, Hồ Chí Minh, Mahátma Gandhi và J. Nêru là những người đặt nền tảng cho việc xây dựng quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trong thời kỳ mới, là biểu tượng của quan hệ hữu nghị giữa hai dân tộc. Họ luôn luôn được nhắc tới với sự kính trọng sâu sắc trong các bài phát biểu nhân các chuyến thăm lẫn nhau của các nhà lãnh đạo cấp cao hai nước.

Thứ ba, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ ngày nay diễn ra trong bối cảnh của tình hình thế giới có không ít khó khăn nhưng cũng *có nhiều thuận lợi*. Đó là xu thế khu vực hoá, quốc tế hoá, toàn cầu hoá, quan hệ giữa các nước ngày càng liên kết, mở rộng. Những nguyên nhân chủ yếu của tình hình này là: do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ (tin học, sinh học, bưu chính viễn thông...) tạo nên sự gắn kết ngày càng chặt chẽ giữa các nước; do nhu cầu mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu hàng hoá, mở rộng địa bàn đầu tư, nhu cầu liên kết giữa các nước trước hết là các nước trong cùng khu vực để giải quyết những vấn đề có tính chất toàn cầu đe dọa đến sự sống còn của nhân loại như nạn dịch AIDS, tội phạm quốc tế, chủ nghĩa khủng bố, ly khai, buôn bán ma tuý, ô nhiễm môi

trường, vấn đề năng lượng, lương thực, cũng như để cạnh tranh về kinh tế. Các nước ngày càng cạnh tranh nhau quyết liệt về mọi mặt mà sự thua thiệt luôn luôn thuộc về những nước nhỏ, kém phát triển. Những yếu tố đó làm cho quan hệ giữa các nước ngày càng mở rộng, sự liên kết giữa các nước ngày càng chặt chẽ và trở thành một xu thế có tính quy luật của lịch sử. Có thể nói, đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội cho Việt Nam và Ấn Độ. Trong bối cảnh đó, hai nước đã biết kế thừa và phát huy truyền thống của quá khứ đồng thời cũng biết khắc phục những thách thức và tận dụng những cơ hội để quan hệ giữa hai nước ngày càng phát triển.

II. VỊ TRÍ CỦA MỖI NƯỚC TRONG ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI.

1. Vị trí Ấn Độ trong đường lối đối ngoại của Việt Nam.

Sau khi đất nước độc lập và thống nhất, cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng và Chính phủ Việt Nam mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước, trước hết là các nước trong khu vực vì mục tiêu hoà bình, độc lập và phát triển. Trong khi chủ trương mở rộng quan hệ với các nước, Việt Nam rất coi trọng quan hệ với Ấn Độ. Chủ trương này đã được khẳng định trong nhiều văn kiện của Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như trong các cuộc tiếp xúc giữa lãnh đạo cấp cao Việt Nam - Ấn Độ. Văn kiện Đại hội lần thứ VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: "Chúng ta không ngừng tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với Cộng hoà Ấn Độ, nước có vị trí đặc biệt quan trọng ở châu Á và trên thế giới, người bạn lớn đã luôn luôn giành cho nhân dân ta những tình cảm tốt đẹp, sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình" (6). Trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay, trong khi chủ trương "Việt Nam

muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển", Đảng Cộng sản Việt Nam rất coi trọng việc củng cố và phát triển những mối quan hệ truyền thống. Trong những quan hệ truyền thống đó, Cộng hoà Ấn Độ giữ một vị trí đặc biệt. Trong chuyến thăm Ấn Độ từ ngày 1-12-1999 đến ngày 5-12-1999, Chủ tịch nước Trần Đức Lương, trong khi hội đàm với các nhà lãnh đạo Ấn Độ đã nhấn mạnh tầm quan trọng và ý nghĩa chiến lược của mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ: "Tôi xin khẳng định quyết tâm của nhân dân Việt Nam cùng với nhân dân Ấn Độ không ngừng củng cố và phát triển mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ hữu nghị truyền thống, hợp tác lâu dài, hướng tới tương lai và cùng với các nước khác phấn đấu vì hoà bình, ổn định, hợp tác và thịnh vượng ở khu vực và trên thế giới" (7).

2. Vị trí của Việt Nam trong đường lối đối ngoại của Cộng hoà Ấn Độ.

Trong khi thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hữu nghị, mong muốn thiết lập quan hệ hữu nghị với tất cả các nước, nhất là các nước láng giềng, Chính phủ Ấn Độ rất coi trọng việc củng cố và phát triển quan hệ với Việt Nam. Có thể nói, đây là chủ trương nhất quán trong đường lối đối ngoại của Cộng hoà Ấn Độ. Chủ trương này được các lãnh tụ Ấn Độ nhiều lần khẳng định trước quốc hội hoặc khi hội đàm với các nhà lãnh đạo Việt Nam. Trong diễn văn đọc trước Quốc hội ngày 23-1-1980, khi xác định chính sách đối ngoại của Chính phủ mới, Tổng thống Ấn Độ - Nêlamxangiva Rêđi nêu rõ: "Tình hữu nghị với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhân tố thường xuyên trong chính sách đối ngoại của Cộng hoà Ấn Độ" (8). Còn Thủ tướng I. Gandi nói: "Trước kia, chúng ta đồng tình với nhân dân Việt Nam. Ngày nay, chúng

ta cũng đồng tình với họ và mãi đứng bên cạnh họ trong lúc gian khổ cũng như hoà bình" (9). Trong buổi chiều dài trọng thể của Thủ tướng Phan Văn Khải tại Hà Nội vào tối 8-1-2001, Thủ tướng A.B. Vajirapai tuyên bố: "Lịch sử cũng như địa lý đã gắn kết chúng ta thành đối tác chiến lược trong trong thế kỷ mới; phấn đấu vì hoà bình, ổn định, an ninh và hợp tác bền vững giữa các quốc gia châu Á" (10).

Như vậy, Việt Nam và Ấn Độ đều có vị trí quan trọng, có tầm chiến lược trong đường lối của mỗi nước. Đây là một trong những cơ sở quan trọng để quan hệ hai nước ngày càng được củng cố và phát triển.

III. MỐI QUAN HỆ TOÀN DIỆN TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC.

1. Về quan hệ chính trị. Đây là mối quan hệ chiếm vị trí nổi bật trong quan hệ Việt Nam - Ấn Độ và tạo tiền đề phát triển cho các quan hệ khác (kinh tế, văn hoá - khoa học, kỹ thuật).

Trong 30 năm tiến hành cuộc đấu tranh vì tự do, độc lập, thống nhất của nhân dân Việt Nam (1945-1975), có những lúc quan hệ hai nước gặp khó khăn do sự tác động của tình hình khu vực và quốc tế nhưng nhìn chung quan hệ hai nước vẫn tiến triển tốt đẹp. Trong thời kỳ kháng chiến trường kỳ, gian khổ đó, Việt Nam luôn nhận được sự ủng hộ, động viên, giúp đỡ của Chính phủ, nhiều chính đảng và nhân dân Ấn Độ. Trên nhiều diễn đàn trong nước và quốc tế, các nhà lãnh đạo Ấn Độ đều lên tiếng phản đối và đòi chấm dứt cuộc chiến tranh phi nghĩa của Pháp, Mỹ. Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình của các tầng lớp nhân dân Ấn Độ biểu thị sự ủng hộ mạnh mẽ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam; đòi Pháp, Mỹ rút khỏi Việt Nam; tố cáo tội ác của Mỹ đối với nhân dân miền Nam; đòi

Mỹ chấm dứt ném bom đối với miền Bắc; quyên góp tiền, thuốc men giúp nhân dân Việt Nam... Trong phong trào đấu tranh vì Việt Nam đó, có những người đã anh dũng hy sinh, dùng máu của mình tô thắm thêm tình hữu nghị giữa hai dân tộc (11). Đỉnh cao của mối quan hệ hai nước trong thời kỳ này, là sự thiết lập quan hệ đầy đủ giữa hai nước vào tháng 1-1972, chấm dứt việc Ấn Độ giữ quan hệ "cân bằng" giữa hai miền Nam-Bắc, nghiêng hẳn về phía Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, bất chấp sự phản ứng và chỉ trích của Mỹ và Chính quyền Sài Gòn, mở ra một giai đoạn mới phát triển tốt đẹp của quan hệ hai nước.

Từ sau năm 1975, Ấn Độ ủng hộ ngày càng tích cực và giúp đỡ Việt Nam. Ấn Độ đã tố cáo mạnh mẽ cuộc xâm lược của thế lực Pôn-pốt-Iêng-xari đối với Việt Nam trong những năm 1975-1978; ủng hộ quan điểm của Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề Campuchia (1979-1991); công nhận Hoàng sa, Trường sa là bộ phận thuộc lãnh thổ Việt Nam; ủng hộ việc Việt Nam tham gia Liên hiệp quốc, ASEAN... với những việc làm đó, nhiều lúc Chính phủ Ấn Độ phải chịu sự công kích từ những thế lực chống Việt Nam trong nước và quốc tế.

Về phần mình, Việt Nam ủng hộ một nước Ấn Độ thống nhất và công nhận Casómia là một bộ phận của đất nước Ấn Độ; kiên trì ủng hộ Ấn Độ trở thành Ủy viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc; ủng hộ Ấn Độ là thành viên đối thoại của ASEAN.

Một trong những biểu hiện của mối quan hệ hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ là lãnh đạo cấp cao hai nước thường xuyên thăm viếng lẫn nhau. Những chuyến thăm này không những đưa đến sự cảm thông, hiểu biết lẫn nhau, làm cho hai nước ngày càng xích lại gần nhau mà còn tạo khung

pháp lý cho quan hệ không ngừng được củng cố và phát triển. Qua những cuộc hội đàm, hai nước đã thể hiện sự nhất trí cao trong việc đánh giá cũng như đề ra giải pháp cho những vấn đề quan trọng của khu vực và quốc tế. Cả hai nước đều mong muốn và nỗ lực để có một Đông Nam Á: hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ trương giải quyết mọi bất đồng, tranh chấp bằng phương pháp hoà bình...

Đảng và Chính phủ Việt Nam không những có quan hệ rất tốt đẹp với Chính phủ Ấn Độ mà còn có quan hệ tốt với những đảng hàng đầu ở Ấn Độ như Đảng Quốc đại, Đảng Quốc đại (I), Đảng Cộng sản, Đảng Cộng sản (M)... Các tổ chức xã hội: Công đoàn, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội hữu nghị hai nước... cũng có quan hệ tốt đẹp. Các đảng phái và tổ chức trên đã ủng hộ mạnh mẽ chủ trương của Chính phủ trong việc mở rộng, phát triển quan hệ giữa hai nước (12).

2. Về quan hệ kinh tế. Có thể nói, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam - Ấn Độ được bắt đầu từ năm 1956, khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao ở cấp Lãnh sự với việc ký hiệp định thương mại ngày 22-8-1956. Theo đó, các hợp đồng thương mại cũng được triển khai và đã đạt được một số kết quả cụ thể. Quan hệ kinh tế giữa hai nước thực sự được đẩy mạnh từ sau năm 1975 khi Việt Nam bắt tay vào công cuộc tái thiết đất nước.

Về quan hệ thương mại, trong mấy năm gần đây, quan hệ thương mại hai nước đã có sự phát triển đáng kể. Tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước tăng từ 50,90 triệu USD năm 1991-1992 lên 140,56 triệu USD năm 1995-1996 và 231,50 triệu USD năm 2000-2001. Trong chuyến thăm Việt Nam vào năm 2001, lãnh đạo hai nước nhất trí phấn đấu tăng kim ngạch thương

mại lên 500 triệu USD trong 3 năm tới và lên 1 tỷ USD sau 10 năm (13).

Về đầu tư, Ấn Độ là một trong những nước đầu tư sớm vào Việt Nam và điều đáng quý là trong những năm 80, khi Việt Nam đang bị Mỹ và các thế lực thân Mỹ cấm vận kinh tế gay gắt, trong khi nền kinh tế - xã hội đang gặp rất nhiều khó khăn thì Ấn Độ là một trong những nước đầu tiên ký hiệp định về thăm dò và khai thác dầu mỏ trên thềm lục địa Việt Nam. Tiếp theo đó, đầu tư của Ấn Độ mở rộng sang các lĩnh vực khác như: giống cây trồng, chế biến nông và lâm sản, chế tạo thiết bị tải điện, sản xuất tân dược.

Trong những năm gần đây, mặc dù do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế ở khu vực, số vốn đầu tư của các nước ASEAN giảm thì đầu tư của Ấn Độ tại Việt Nam lại tăng. Tính đến năm 2001, vốn đầu tư trực tiếp của Ấn Độ vào Việt Nam đạt khoảng 583 triệu USD, đứng hàng thứ 17 trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam (14).

Trong quan hệ kinh tế với Việt Nam, ngoài cấp Nhà nước, nhiều tổ chức tư nhân cũng tích cực hợp tác với Việt Nam, như Hiệp hội các hợp tác xã Ấn Độ, Hội công nghiệp cơ khí Ấn Độ, Tập đoàn tư bản tư nhân Bila với đại diện là Công ty CIMMCO...

Như vậy, quan hệ kinh tế giữa hai nước trong những năm gần đây phát triển khá nhanh. Kết quả đó đã không những góp phần giúp Việt Nam thoát khỏi tình trạng khó khăn mà còn đẩy mạnh sự phát triển một số ngành kinh tế của đất nước như: thăm dò và khai thác dầu mỏ, hiện đại hoá ngành dệt, đường sắt, nông nghiệp (ngành trồng lúa, chăn nuôi)... Mặc dù vậy, quan hệ kinh tế giữa hai nước vẫn chưa tương xứng với quan hệ chính trị tốt đẹp, với tiềm

năng cũng như mong muốn của Chính phủ và nhân dân hai nước... Nguyên nhân chính của tình hình trên là do Việt Nam và Ấn Độ đều là những nước nghèo, nhu cầu mặt hàng xuất và nhập khẩu tương tự nhau (quần áo may sẵn, gạo, chè, cà phê, hạt tiêu, hải sản...); các doanh nghiệp hai nước còn thiếu hiểu biết về khả năng và thị trường của nhau; thủ tục hành chính hai nước còn nặng nề và còn có sự khác biệt trong cơ chế hợp tác...

Lãnh đạo và các nhà khoa học hai nước đã nhìn thấy những hạn chế này nên đã, đang tìm cách tháo gỡ để đưa quan hệ kinh tế phát triển ngang tầm với quan hệ chính trị, phù hợp với xu thế của thế giới.

3. Về quan hệ văn hoá - khoa học - kỹ thuật. Từ sau 1975, hợp tác khoa học kỹ thuật giữa hai nước được đẩy mạnh. Năm 1977, Ấn Độ quyết định viện trợ không hoàn lại cho Viện nghiên cứu lúa Ô Môn (Cần Thơ) và Trung tâm nghiên cứu trâu sữa Sông Bé trị giá khoảng 3 triệu USD. Từ năm 1994, hai nước chuyển sang hợp tác về chăn nuôi dê sữa. Theo đó, Ấn Độ đã viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam 500 con và đến nay đã tăng lên 3000 con. Chính phủ Ấn Độ đã đào tạo cho ta nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật. Hàng chục tiến sĩ, thạc sĩ về lúa lai, trâu sữa và cây ăn quả được đào tạo tại Ấn Độ đã phát huy và áp dụng tốt kiến thức khoa học kỹ thuật vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Ngành công nghệ thông tin - một thế mạnh của Ấn Độ và cũng là ngành mà Việt Nam đang quan tâm đầu tư phát triển, đang được triển khai hợp tác giữa hai nước và đã đạt được kết quả bước đầu. Tại cuộc họp của Ủy ban liên Chính phủ lần thứ 9 (New Delhi tháng 2-1999), hai nước đã ký "Biên bản thỏa thuận" về việc Ấn Độ giúp Việt Nam

xây dựng 2 trung tâm đào tạo và phát triển phần mềm tin học tại Việt Nam bằng vốn vay ưu đãi của Chính phủ Ấn Độ. Cũng tại cuộc họp này, hai bên đã nhất trí: trao đổi thông tin, lập trang Website chung; xúc tiến quan hệ thương mại giữa Hội đồng xúc tiến xuất khẩu phần mềm máy tính và điện tử với Hội đồng công nghệ thông tin qua chương trình ITEC; Ấn Độ giúp Việt Nam lập Trung tâm công nghệ và thiết kế; hợp tác thiết kế trên máy tính. Trong chuyến thăm Ấn Độ của Chủ tịch nước Trần Đức Lương đầu tháng 12-1999, Chính phủ Ấn Độ khẳng định sẵn sàng giúp Việt Nam về vốn, kinh nghiệm và đào tạo cán bộ, chuyên gia để phát triển phần mềm máy tính thành một ngành kinh tế quan trọng (15).

Hoạt động giao lưu văn hoá giữa hai nước cũng diễn ra ngày càng đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung. Đó là tổ chức các buổi giới thiệu phim ảnh của nhau, trao đổi các đoàn nghệ thuật, giới thiệu những công trình văn hoá tiêu biểu, tổ chức kỷ niệm những ngày Quốc khánh của mỗi nước, trao đổi chuyên gia...

Quan hệ giáo dục cũng đạt được những thành tựu đáng kể. Để đào tạo những chuyên gia về Ấn Độ, tổ bộ môn Ấn Độ học cũng được thành lập tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Quốc gia Hà Nội với hàng chục sinh viên vào học ngành này. Từ nhiều năm nay, Ấn Độ đã dành cho Việt Nam nhiều học bổng. Những năm gần đây, Ấn Độ dành cho Việt Nam 140 học bổng mỗi năm để đào tạo đại học và trên đại học về các lĩnh vực: kinh tế, thương mại, công nghệ sinh học, nông nghiệp, y tế, công nghệ thông tin... Năm 2001, số sinh viên, thực tập sinh, nghiên cứu sinh Việt Nam ở Ấn Độ đã lên tới 250

người (16). Cho đến nay, đã có hơn 3000 sinh viên, thực tập sinh, nghiên cứu sinh tốt nghiệp ở Ấn Độ và họ đang phát huy tốt vai trò trong các lĩnh vực của đất nước.

*

Từ những điểm trình bày ở trên cho thấy, Việt Nam và Ấn Độ có nhiều nét tương đồng, gần gũi và những nét tương đồng, gần gũi đó là những cơ sở cho sự phát triển của quan hệ hai nước trong quá khứ, hiện tại và tương lai; tạo nên một mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ hữu nghị, trong sáng,

thủy chung như phát biểu của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng: "Mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trong xanh như bầu trời không một gợn mây".

Với mối quan truyền thống tốt đẹp, mong muốn của Chính phủ và nhân dân hai nước được thể hiện qua nhiều Hiệp định và Hợp đồng được ký kết giữa Chính phủ hai nước. Với những thuận lợi của xu thế quốc tế hoá, khu vực hoá đưa lại, chúng ta tin rằng quan hệ Việt Nam - Ấn Độ sẽ vượt qua những khó khăn và sẽ ngày càng tốt đẹp hơn nữa trong thế kỷ XXI.

CHÚ THÍCH

(1). Dẫn theo Vũ Dương Ninh (Chủ biên). *Lịch sử Ấn Độ*. Nxb. Giáo dục, 1995, tr. 198, 196.

(2). Dẫn theo Đặng Ngọc Hùng. *Việt Nam và Ấn Độ - Hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học công nghệ*. Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6 (51)-2001; tr. 22.

(3). Dẫn theo A.Vôlôđin, P. Sácítôkô. *Cuộc đời và sự nghiệp đấu tranh của Jawaharlal Nehru*. Nxb. Sách chính trị, Mátxcôva; 1990; tr. 96 (tiếng Nga).

(4). *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 9. Nxb. Chính trị Quốc gia; Hà Nội, 1996; tr.81

(5). Dẫn theo Vũ Dương Ninh, Sđd; tr. 189, 190, 191.

(6), (7), (8), (9), (10). Dẫn theo *Báo Nhân dân* ngày 16-12-1986, 1-12-1999, 25-1-1980, 15-8-1981, 9-1-2001.

(11). Xem thêm: Gi-a-xốp T.G. *Cuộc đấu tranh của Ấn Độ vì tự do và độc lập của các nước Đông Dương*. Nxb. "Fan"; Taskent; 1991; tr. 9-108. (tiếng Nga). Vũ Dương Ninh: *Việt Nam - Ấn Độ trong cuộc đấu tranh vì độc lập và tiến bộ xã hội*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5-6-1987.

(12). Xem thêm: Nguyễn Cảnh Huệ: *Quan hệ chính trị Việt Nam - Ấn Độ (từ 1975-1996)*. Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội; số 38 (4-1998); tr. 69-75.

(13), (14). Dẫn theo Vũ Dương Huân. *Thực trạng và triển vọng quan hệ hữu nghị và hợp tác truyền thống Việt Nam - Ấn Độ*; Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, số 43; tr. 9, 10.

(15). Dẫn theo Đặng Ngọc Hùng Bdd; tr. 24-25.

(16). Dẫn theo Vũ Dương Huân; Bdd; tr. 12.